

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP LẦN 1 HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

Ngành/Nghề: Thiết kế đồ họa

Lớp: 20CĐĐH

Trình độ: Cao đẳng

Hình thức: Chính quy

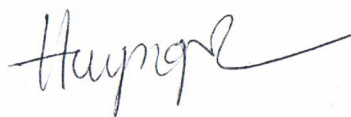
TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thiết kế layout trang web	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	Mỹ thuật ứng dụng	Nghệ thuật đồ họa chữ	Kỹ năng vẽ phác thảo	Kỹ thuật dựng phim	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
			Số tín chỉ		3	0	0	2	2	2	2	2	2					
			Thứ tự môn học/mô-đun		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)					
1	2010050001	20CĐĐH	Nguyễn Thiện An	26/11/2002	C 6.4	A 8.9	C 6.8	A 8.6	A 9.0	B 8.3	B 8.3	A 9.1	C 6.3	3.07 7.89	15		Khá	BT
2	2010050002	20CĐĐH	Dương Minh Châu	22/10/2002	C 5.5		D 5.4	C 6.4	D 4.9	B 8.2	C 6.9	B 7.9	C 6.2	2.13 6.50	15		Trung bình	BT
3	2010050003	20CĐĐH	Nguyễn Tấn Đạt	16/02/2000				A 9.3	B 7.7	B 8.2	B 8.3	A 8.5	B 8.1	3.33 8.35	12		Giỏi	BT
4	2010050004	20CĐĐH	Trần Thanh Đạt	11/8/2002	F 3.7	A 9.5	C 6.1	B 8.2	C 6.3	A 8.5	B 8.1	B 8.4	B 7.3	2.40 6.98	15	3	Trung bình	BT
5	2010050005	20CĐĐH	Đoàn Văn Dóng	15/5/1999				F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.6	0.00 0.10	12	12	kém	TH
6	2010050006	20CĐĐH	Lê Khả Duy	28/11/2002	C 6.0	C 6.7	C 6.8	A 8.7	D 5.1	A 8.9	A 8.5	A 8.9	B 7.3	3.07 7.52	15		Khá	BT
7	2010050007	20CĐĐH	Đặng Trí Hỷ	20/3/2001	C 6.3	B 8.3	B 7.6	A 8.7	C 6.0	C 6.8	A 8.7	B 7.0	B 8.0	2.80 7.29	15		Khá	BT
8	2010050008	20CĐĐH	Nguyễn Đăng Khoa	15/3/2002	B 8.4	B 7.3	C 6.0	B 7.3	D 4.8	C 5.9	B 7.6	C 6.9	B 7.2	2.47 6.97	15		Trung bình	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thiết kế layout trang web	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	Mỹ thuật ứng dụng	Nghệ thuật đồ họa chữ	Kỹ năng vẽ phác thảo	Kỹ thuật dựng phim	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
9	2010050009	20CĐĐH	Nguyễn Xuân Lâm	04/3/1999		F 0.0		A 8.6	D 4.8	C 6.4	B 8.0	C 5.5	D 4.2	2.17 6.25	12		Trung bình	BT
10	2010050010	20CĐĐH	Nguyễn Cao Thùy Linh	06/9/2002	C 5.6	A 9.2	C 6.0	F 0.0	D 4.8	A 8.8	D 4.8	B 7.5	C 5.5	1.87 5.31	15	2	Yếu	BT
11	2010050011	20CĐĐH	Lê Hoàng Nam	12/01/1999	C 5.8	A 9.2	C 6.5	A 9.6	D 5.2	B 8.2	A 8.5	A 8.6	B 8.2	2.93 7.60	15		Khá	BT
12	2010050012	20CĐĐH	Trần Khoa Nam	11/12/1998										0.00 0.00	0		kém	TH
13	2010050013	20CĐĐH	Nguyễn Hoàng Tiểu Nghi	16/02/2000	B 8.0		C 6.8	A 9.9	D 4.0	B 8.4	B 8.3	B 7.4	C 6.2	2.73 7.49	15		Khá	BT
14	2010050014	20CĐĐH	Quách Thanh Nhân	12/6/2002	C 6.0		C 6.8	B 8.4	C 5.8	B 7.9	C 6.9	C 6.8	D 4.6	2.13 6.59	15		Trung bình	BT
15	2010050015	20CĐĐH	Phạm Hồng Như	13/02/2001	C 6.7	A 8.5	C 6.0	B 8.4	C 6.0	B 8.0	B 7.8	B 7.9	B 7.5	2.67 7.42	15		Khá	BT
16	2010050016	20CĐĐH	Nguyễn Đặng Hồng Sơn	23/11/1999		F 1.9		A 9.5	C 6.2	C 6.5	B 8.3	D 5.3	B 7.9	2.50 7.28	12		Khá	BT
17	2010050017	20CĐĐH	Dương Thế Tài	12/01/2002	F 3.2	C 6.3	C 6.7	A 9.3	C 6.7	B 7.7	B 7.5	B 7.8	B 7.3	2.40 6.81	15	3	Trung bình	BT
18	2010050018	20CĐĐH	Lê Thị Minh Tâm	02/02/2000	F 0.0			C 6.2	D 5.3	A 8.5	C 6.3	B 7.9	D 5.4	1.73 5.28	15	3	Yếu	BT
19	2010050019	20CĐĐH	Võ Thị Mỹ Tâm	15/11/2002	D 4.0	A 9.2	C 6.3	B 7.8	D 4.2	B 7.9	B 7.0	B 8.3	C 6.9	2.20 6.41	15		Trung bình	BT
20	2010050020	20CĐĐH	Ngô Kim Thạch	24/10/1993				B 8.1	C 6.0	A 9.5	B 7.9	B 8.4	B 7.6	3.00 7.92	12		Khá	BT
21	2010050021	20CĐĐH	Tạ Quốc Thịnh	22/7/2001	B 8.1	B 8.0	B 7.6	B 8.2	C 5.9	B 8.3	B 7.0	B 7.4	B 7.6	2.87 7.54	15		Khá	BT
22	2010050022	20CĐĐH	Trần Phúc Thịnh	30/11/2000	C 5.9	B 8.1		F 0.0	F 3.6	F 0.0	F 0.0	B 7.5	C 5.9	1.07 3.45	15	8	Yếu	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thiết kế layout trang web	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	Mỹ thuật ứng dụng	Nghệ thuật đồ họa chữ	Kỹ năng vẽ phác thảo	Kỹ thuật dựng phim	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
23	2010050023	20CĐĐH	Nguyễn Văn Thuận	01/01/2002										0.00 0.00	0		kém	TH
24	2010050024	20CĐĐH	Lâm Ngọc Thùy	24/8/2002	C 5.9		C 6.4	A 9.1	B 7.2	C 6.8	B 8.0	B 8.4	C 6.6	2.67 7.33	15		Khá	BT
25	2010050025	20CĐĐH	Trần Đức Toàn	29/10/2000				F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	12	12	kém	TH
26	2010050026	20CĐĐH	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	26/01/2001	D 5.3	B 8.3	B 7.0	A 8.7	C 5.6	B 7.6	C 6.9	B 7.8	C 6.4	2.33 6.79	15		Trung bình	BT
27	2010050027	20CĐĐH	Huỳnh Lâm Thanh Trúc	10/02/2002	D 4.3	C 5.5	C 6.8	A 8.9	B 7.3	B 7.7	D 4.7	B 7.9	C 6.8	2.33 6.63	15		Trung bình	BT
28	2010050028	20CĐĐH	Sử Thị Cẩm Tú	03/8/2002	D 5.0		B 7.0	A 8.9	C 5.7	B 8.3	B 7.5	C 6.9	D 5.3	2.20 6.68	15		Trung bình	BT
29	2010050029	20CĐĐH	Võ Lê Anh Tuấn	16/9/2002										0.00 0.00	0		kém	TH
30	2010050030	20CĐĐH	Phạm Thanh Tùng	15/6/2002	B 7.3	B 7.1	C 6.4	A 10.0	B 8.4	B 7.7	A 8.9	B 8.4	A 8.8	3.40 8.42	15		Giỏi	BT
31	2010050031	20CĐĐH	Trần Thanh Tùng	24/3/2002	F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0	D 5.2	F 0.0	0.13 0.69	15	13	kém	CB
32	2010050032	20CĐĐH	Nguyễn Ngô Thanh Vy	22/7/2002										0.00 0.00	0		kém	TH
33	2010050033	20CĐĐH	Ngô Thị Lan Anh	18/8/2000				A 10.0	B 7.6	A 8.6	B 8.0	B 7.9	B 7.5	3.33 8.27	12		Giỏi	BT
34	2010050034	20CĐĐH	Phạm Việt Hào	28/01/2002	B 7.3	C 6.7	B 7.3	F 0.0	B 7.0	B 7.3	B 7.6	B 7.6	B 7.2	2.60 6.35	15	2	Khá	BT
35	2010050035	20CĐĐH	Trần Đăng Khôi	04/10/2002	B 7.8	A 8.9	C 6.9	B 7.8	D 4.5	B 7.5	B 7.3	B 7.4	B 7.7	2.73 7.19	15		Khá	BT
36	2010050036	20CĐĐH	Trần Khánh Linh	19/4/2002	B 7.2	A 8.6	C 6.1	B 8.1	C 6.3	B 8.4	B 7.8	B 7.9	C 6.9	2.73 7.49	15		Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thiết kế layout trang web	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	Mỹ thuật ứng dụng	Nghệ thuật đồ họa chữ	Kỹ năng vẽ phác thảo	Kỹ thuật dựng phim	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
37	2010050037	20CĐĐH	Đỗ Diệu Thảo	17/12/2002	B 7.4	B 8.2	B 7.7	A 10.0	C 6.1	B 7.8	C 6.3	B 8.3	C 6.6	2.73 7.49	15		Khá	BT
38	2010050038	20CĐĐH	Đinh Nam Phú	12/12/2002	A 8.7	B 8.0	C 6.4	A 9.4	B 7.0	B 7.9	B 8.3	B 8.3	B 7.6	3.33 8.21	15		Giỏi	BT

Người lập



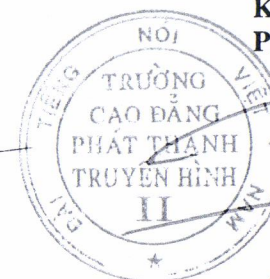
Huỳnh Ngọc Sáng

Trưởng phòng QL Đào tạo



Nguyễn Thị Diễm Phương

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng



Cao Văn Trục